

ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ C16XCD

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP TRẮC ĐỊA
MÃ HỌC PHẦN: CIE - 260

HỌC KỲ 1
TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

Ngày thi: 03/11/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	161211001	PHẠM PHÚC BÌNH	C16XCD	7				6				5	5.7	Nằm pháp Bảy			
2	161211002	VÕ KHẮC BÌNH	C16XCD	10				6				6	6.8	Sâu pháp Tám			
3	161211003	PHAN VĂN BÔNG	C16XCD	9				8				8	8.2	Tám pháp Hai			
4	161211004	VĂN ĐÌNH CHÂU	C16XCD	2				8				8	6.8	Sâu pháp Tám			
5	161211005	PHAN VĂN CHÍNH	C16XCD	9				8				8	8.2	Tám pháp Hai			
6	161211006	TÔN MẠNH CƯỜNG	C16XCD	7				8				7	7.3	Bảy pháp Ba			
7	161211007	ĐÌNH MẠNH CƯỜNG	C16XCD	9				8				7	7.7	Bảy pháp Bảy			
8	161211008	NGUYỄN DUY CƯỜNG	C16XCD	8				6				6	6.4	Sâu pháp Bốn			
9	161211010	PHAN PHỤNG ĐÔNG	C16XCD	4				7				6	5.9	Nằm pháp Chén			
10	161211011	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	C16XCD	10				6				6	6.8	Sâu pháp Tám			
11	161211012	LÊ VĂN DŨNG	C16XCD	6				8				8	7.6	Bảy pháp Sáu			
12	161211015	TRẦN QUỐC GIA	C16XCD	7				6				5	5.7	Nằm pháp Bảy			
13	161211016	CAO SƠN HẢI	C16XCD	9				8				8	8.2	Tám pháp Hai			
14	161211017	PHẠM NGỌC HẢI	C16XCD	8				6				6	6.4	Sâu pháp Bốn			
15	161211018	TRẦN CÔNG HẬU	C16XCD	8				7				6	6.7	Sâu pháp Bảy			
16	161211019	NGUYỄN XUÂN HIỆP	C16XCD	7				8				7	7.3	Bảy pháp Ba			
17	161211020	HUỖNH ANH HIỆP	C16XCD	7				8				8	7.8	Bảy pháp Tám			
18	161211021	ĐẶNG XUÂN HÒA	C16XCD	8				5				5	5.6	Nằm pháp Sáu			
19	161211022	HUỖNH VĂN HÙNG	C16XCD	8				8				8	8.0	Tám			
20	161211023	NGUYỄN HUY HÙNG	C16XCD	9				8				8	8.2	Tám pháp Hai			
21	161211024	DƯƠNG ĐÌNH HUY	C16XCD	9				8				8	8.2	Tám pháp Hai			
22	161211027	NGUYỄN VĂN KIM	C16XCD	10				8				8	8.4	Tám pháp Bốn			
23	161211028	NGUYỄN VĂN LỘC	C16XCD	6				8				8	7.6	Bảy pháp Sáu			
24	161211029	NGUYỄN ĐÌNH LONG	C16XCD	8				8				8	8.0	Tám			
25	161211030	TRƯƠNG HẢI LONG	C16XCD	7				5				5	5.4	Nằm pháp Bốn			
26	161211032	LÊ ANH LUẬN	C16XCD	6				5				5	5.2	Nằm pháp Hai			
27	161211033	LÊ VĂN NAM	C16XCD	9				8				8	8.2	Tám pháp Hai			
28	161211035	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN	C16XCD	9				8				8	8.2	Tám pháp Hai			
29	161211036	VÕ NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	C16XCD	9				8				7	7.7	Bảy pháp Bảy			
30	161211037	TRẦN VĂN NHÂN	C16XCD	10				8				7	7.9	Bảy pháp Chén			
31	161211038	PHAN TÂN PHONG	C16XCD	9				8				8	8.2	Tám pháp Hai			
32	161211039	NGUYỄN QUỐC PHÒNG	C16XCD	8				3				4	4.6	Bốn pháp Sáu			
33	161211040	HOÀNG ĐỨC PHƯƠNG	C16XCD	8				8				5	6.4	Sâu pháp Bốn			
34	161211041	TRƯƠNG CÔNG RIN	C16XCD	7				6				4	5.1	Nằm pháp Mười			
35	161211042	TRẦN VĂN SANG	C16XCD	8				8				6	6.9	Sâu pháp Chén			
36	161211044	HỒ HẢI THÁI	C16XCD	8				8				5	6.4	Sâu pháp Bốn			
37	161211045	NGUYỄN THÀNH	C16XCD	9				7				7	7.4	Bảy pháp Bốn			
38	161211046	NGUYỄN CHÁNH THI	C16XCD	9				8				7	7.7	Bảy pháp Bảy			
39	161211047	CAO THẾ THÌN	C16XCD	10				6				7	7.4	Bảy pháp Bốn			
40	161211048	LÊ NGỌC THỊNH	C16XCD	8				6				6	6.4	Sâu pháp Bốn			

Ngày thi: 03/11/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	161211049	TRẦN QUỐC	TOẢN	C16XCD	9				7				7	7.4	Baý pháy Bảứ		
42	161211050	TRẦN QUANG	TRUNG	C16XCD	8				6				6	6.4	Saứ pháy Bảứ		
43	161211051	HỒ CHÍ	TRUNG	C16XCD	9				8				8	8.2	Taứ pháy Hai		
44	161211052	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	C16XCD	10				6				7	7.4	Baý pháy Bảứ		
45	161211053	NGUYỄN NGỌC	TÚ	C16XCD	9				8				7	7.7	Baý pháy Baý		
46	161211054	LÊ VĂN	TUẤN	C16XCD	9				8				8	8.2	Taứ pháy Hai		
47	161211056	TRẦN ANH	TUẤN	C16XCD	10				8				8	8.4	Taứ pháy Bảứ		
48	161211058	LÊ VĂN	TÙNG	C16XCD	9				6				6	6.6	Saứ pháy Saứ		
49	161211059	NGUYỄN NGÔ THANH	VIỆT	C16XCD	6				1				V	0.0	Khăng		
50	161211060	NGÔ TUẤN	VŨ	C16XCD	1				1				V	0.0	Khăng		
1	0984	NGUYỄN CHÍ	VŨ	C15XCD	1				1				V	0.0	Khăng		
2	1008	KIỀU THỂ	HẢI	C15XCD	1				1				V	0.0	Khăng		
3	1564	LƯƠNG TRỌNG	LINH	C15XCDB	1				1				V	0.0	Khăng		
4	1560	NGUYỄN NGỌC	ĐIỂN	K12XCD	8				3				3	0.0	Khăng		
5	1078	NGUYỄN VĂN	SANG	C15XCD	8				8				5	6.4	Saứ pháy Bảứ		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	49	89%	
2	Số sinh viên nợ	6	11%	
TỔNG CỘNG :		55	100%	

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 11 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú